

Bản án số: 83/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 11 - 2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Trần Đại Thắng

2. Ông Nguyễn Văn Trương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/9/2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Tài L, sinh năm: 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang

Bị đơn: Anh Lê Vũ T sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 5/8/2019, các văn bản tố tụng và tại tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Tài L trình bày:

Chị và anh Lê Vũ T tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 14/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã P. Anh, chị chung sống hạnh phúc với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T ghen tuông vô cớ nên anh, chị thường xuyên cãi nhau và nhiều lần anh T còn đánh chị. Anh, chị ly thân nhau khoảng 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai.

Về con chung: Anh, chị có con chung là cháu Lê Thị Ngọc V, sinh ngày 05/3/2011 và cháu Lê Nguyễn Vũ P, sinh ngày 07/12/2016 đang do anh T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn nên chị L yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị L thống nhất để anh T tiếp tục nuôi con chung.

Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa nhưng đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán – Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành còn bị đơn chưa thực tốt quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh T vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T thấy rằng chị L và anh T tổ chức đám cưới và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh chị đã đủ điều kiện kết hôn, việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên xác định hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Sau khi về chung sống hạnh phúc với nhau được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị L trình bày nguyên nhân do anh T có tính ghen tuông dẫn đến anh, chị cãi nhau và anh T nhiều lần đánh chị nên cuộc sống của anh, chị không còn hạnh phúc. Về phía anh T dù được Tòa án thực hiện các thủ tục hợp pháp tham gia phiên

hòa giải đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt tại Tòa cho thấy bản thân anh không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Bên cạnh đó, ý kiến của ông V (cha ruột của anh T) cũng cho rằng giữa chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống nên anh, chị ly thân 03 năm nay.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T là trầm trọng. Anh, chị ly thân với nhau một thời gian, không ai quan tâm đến ai, nếu kéo dài thêm thời gian thì mối quan hệ hôn nhân cũng không thể nào hàn gắn, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ.

Về con chung: Theo chị L, anh chị có 02 con chung là cháu Lê Thị Ngọc V sinh ngày 05/3/2011 và cháu Lê Nguyễn Vũ P 07/12/2016. Chị L không cung cấp được các giấy khai sinh của các cháu vì chị cho rằng toàn bộ giấy tờ anh T cất giữ nhưng anh T không hợp tác cung cấp để giải quyết vụ kiện. Tuy nhiên, căn cứ xác nhận công an xã P trong hộ khẩu chung với ông V thể hiện cháu Lê Thị Ngọc V, sinh ngày 05/3/2011 và cháu Lê Nguyễn Vũ P, sinh ngày 07/12/2016 là thống nhất với ngày sinh của các cháu theo chị L trình bày. Nay ly hôn, chị L thống nhất giao 02 cháu cho anh T nuôi dưỡng. Xét thấy đối với cháu V mặc dù anh T đi làm ăn trên Bình Dương đã mang cháu đi theo, chị L không xác định được địa chỉ cụ thể của anh T nên Tòa án không xem xét được ý kiến của cháu nhưng do từ khi anh, chị ly thân đến nay cả 02 cháu được anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, nhằm ổn định về cuộc sống, ổn định học tập của các cháu cần giao 02 cháu cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp, chị L chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh T chưa có yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho chị L không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Tài L và anh Lê Vũ T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Lê Vũ T được nuôi dưỡng cháu Lê Thị Ngọc V, sinh ngày 05/3/2011 và cháu Lê Nguyễn Vũ P, sinh ngày 07/12/2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị L chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho chị L không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Tài L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0021604 ngày 09/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Linh đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân T. Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án huyện Châu Thành;
- Cơ quan nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN
(đã ký)

LÊ THỊ THỌ